

VỀ VIỆC DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH TẠI MỘT SỐ CHUYÊN KHOA BẬC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY^(*)

NGUYỄN HỒNG HẢI^(**)

Trong xu thế hội nhập và mở cửa, đáp ứng nhu cầu đào tạo chất lượng cao ngày càng tăng, thời gian gần đây, một số trường đại học của Việt Nam đã mở các khoa chuyên ngành như Quốc tế học, Quản trị Kinh doanh, Du lịch, Ngân hàng, Tài chính-Kế toán, v.v... Điều đáng lưu ý là chương trình đào tạo của các khoa này về cơ bản được tiến hành bằng tiếng Anh, vì lý do khách quan cũng có giờ giảng-học bằng tiếng Việt nhưng rất hy hữu. Khoa Quốc tế học (FIS) thuộc trường Đại học Hà Nội là một ví dụ.

Hiện tại, FIS là một trong số ít các khoa của trường Đại học Hà Nội có các môn chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh, bao gồm: (1) Nghiên cứu khu vực và giao thoa văn hóa (Area Studies and Cross-Cultural Relations); (2) Quan hệ quốc tế (International Relations); (3) Nghiên cứu phát triển (Development Studies); (4) Kinh doanh quốc tế

(International Business); và (5) Xã hội dân sự quốc tế. Trong điều kiện đó, FIS khá linh hoạt trong cách tiếp cận phương pháp giảng dạy cho sinh viên. Tùy từng trường hợp, giáo viên có thể giảng bằng tiếng Việt, tuy nhiên, giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh vẫn là thế mạnh và là phương pháp chủ đạo mà các giáo viên của FIS hiện áp dụng. Bên cạnh đó, FIS hiện còn có giáo viên nước ngoài hợp đồng dài hạn và thường xuyên mời giáo viên nước ngoài thỉnh giảng để nâng cao trình độ tiên tiến về phương pháp và chương trình giảng dạy cho Khoa.

Giảng dạy và học các chuyên ngành bằng tiếng Việt đương nhiên sẽ dễ dàng hơn cho cả giáo viên và sinh viên. Vì vậy, giảng dạy bằng tiếng Anh, đặc biệt khi giảng viên là người nước ngoài, là một thách thức cho cả người học và người dạy. Với sinh viên, các em sẽ dễ dàng hiểu những câu nói tiếng Anh phổ thông (General English), nhưng sẽ khó khăn nếu gặp phải những cụm từ hay thuật ngữ chuyên ngành. Nếu giảng viên không phải là người Việt (giảng

^(*)Bài viết này chỉ tập trung vào đối tượng sinh viên là người Việt Nam. Các khoa chuyên ngành, tùy điều kiện cụ thể, hiện cũng tiếp nhận sinh viên nước ngoài tham dự một số môn học trong chương trình trao đổi hợp tác song phương với các đối tác nước ngoài như Mỹ, Thụy Điển...

^(**) Giảng viên Khoa Quốc tế học, Đại học Hà Nội.

bằng tiếng Anh), làm thế nào để các em có hiểu thuật ngữ đó trong tiếng Việt là gì để đối chiếu và sử dụng khi gặp lại cụm từ hay thuật ngữ đó trong cuộc sống? Hoặc nếu giảng viên có giải thích, nhưng bản thân sinh viên còn chưa thực sự hiểu thì rốt cuộc sinh viên cũng sẽ không hiểu trong tiếng mẹ đẻ hoặc không biết chuyển thuật ngữ đó sang tiếng mẹ đẻ thế nào là đúng.

Vì vậy, bài viết này sẽ phân tích và nêu một vài hướng tiếp cận tiếng Anh để giúp giảng viên và sinh viên các khoa chuyên ngành giảng và học bằng tiếng Anh có được phương pháp hiệu quả hơn. FIS, nơi tác giả đang giảng dạy, được sử dụng làm ví dụ để làm cơ sở phân tích và đi đến kết luận của bài viết này.

I. Tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh cho mục đích đặc biệt

Tiếng Anh cho mục đích đặc biệt (English for Special Purposes – ESP) nổi lên và được các nhà ngôn ngữ đặc biệt quan tâm từ cuối những năm 1960, đặc biệt là sau các cuộc khủng hoảng về dầu lửa đầu thập kỷ 1970. Kể từ đó, tiếng Anh trở thành môn học theo ước muốn (wishes), nhu cầu (needs) và yêu cầu (demands) của người học chứ không phải của người giảng dạy ngôn ngữ (6, tr. 7). Theo Dudley-Evans, ESP có hai đặc trưng nổi bật là *tính tuyệt đối (absolute)* và *tính biến thiên (variable)*. Đặc trưng *tuyệt đối* của ESP trước hết là nhằm đáp ứng các nhu cầu cụ thể của người học; khai thác phương pháp luận và các hoạt động căn bản của ngành học mà nó được sử dụng; và, được đặt ở vị trí trung tâm của ngôn ngữ thích hợp cho những hoạt động chuyên ngành. Đặc trưng *biến thiên* của ESP được hiểu là có liên quan hoặc được thiết kế cho những chuyên ngành cụ thể; trong

giảng dạy, sử dụng phương pháp luận khác với phương pháp luận trong giảng dạy tiếng Anh phổ thông; được thiết kế cho học viên là những người đã lớn, hoặc trong môi trường đại học hay khóa học chuyên môn, hoặc thậm chí có thể cho học viên ở cấp trung học, bậc trung hoặc bậc học nâng cao (4).

Việc mô tả ESP với hai đặc trưng trên, theo Laurence Anthony, giúp chúng ta thấy được rằng ESP có thể nhưng không nhất thiết phải gắn với một chuyên ngành cụ thể, và nó cũng không nhằm vào một nhóm học viên ở độ tuổi nhất định nào (10). Thay vào đó, ESP được xem như là một “cách tiếp cận trong giảng dạy ngôn ngữ, trong đó mọi quyết định về nội dung và phương pháp đều dựa trên lý do học tập của học viên” (6, tr.19). Và nó là sự kết hợp giữa ngôn ngữ phổ thông với những thuật ngữ chuyên ngành để vừa phục vụ mục đích sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp, vừa phục vụ mục đích nghiên cứu chuyên sâu của người học.

Qua những đặc trưng xác định khái niệm ESP ở trên có thể hiểu được rằng ESP là một dạng tiếng Anh được thiết kế để giảng dạy theo nhu cầu và đáp ứng yêu cầu của từng chuyên ngành cụ thể. Nói cách khác, theo nghĩa hẹp, ESP là tiếng Anh chuyên ngành. Tuy nhiên, cần phải phân biệt rõ giữa tiếng Anh chuyên ngành như ESP được thiết kế trong các sách giáo trình phục vụ cho việc giảng dạy ngôn ngữ là chính, kết hợp tính chuyên môn với tiếng Anh chuyên ngành được viết trong các sách không nhằm mục đích giảng dạy ngôn ngữ mà phục vụ việc nghiên cứu chuyên sâu. Hay nói cách khác, cần phân biệt về mặt hình thức và nội dung giữa hai loại này. Về hình thức, có thể nêu một vài ví dụ để minh họa như sau.

Sách tiếng Anh chuyên ngành như ESP phục vụ việc giảng dạy ngôn ngữ (1)	Sách tiếng Anh chuyên ngành không phục vụ việc giảng dạy ngôn ngữ (2)
[English for] Accounting	Accounting Basics for Finance Professionals
[English for] International Banking and Finance	Becoming a Master Manager – A competency Framework
[English] Tourism	
Essential English for Law	Social rights jurisprudence – Emerging trends in international and comparative law
Business Management English – Marketing	
[English for] Economics	Economics
A course in Medical English	
English for Computing	

Sự khác nhau về mặt hình thức giữa hai loại sách trên là rất rõ. Ngay tên của sách, các sách bên cột số (1) trong bảng trên luôn nhấn mạnh rằng đây là sách: “Tiếng Anh cho/về....” (English for...). Điều này giúp người xem biết ngay rằng đây là những sách được thiết kế vừa để giảng dạy ngữ pháp, luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) vừa bổ sung và nâng cao từ ngữ tiếng Anh phổ thông và chuyên ngành. Sách được thiết kế dưới dạng các bài học và chủ đề của mỗi bài học hoàn toàn khác nhau, phản ánh từng khía cạnh liên quan đến chuyên ngành. Trong khi đó, tên và hình thức thể hiện của các sách bên cột số (2) hoàn toàn khác, đi thẳng và sâu vào lĩnh vực chuyên môn, không có các mục, hay phân chia thành các bài học với những chủ đề tách biệt như trong sách bên cột số (1) mà toàn bộ nội dung sách là một sự liên kết và sâu chuỗi các nội dung và người đọc phải đọc hết toàn bộ cuốn sách mới hiểu hết được ý nghĩa của tiêu đề cuốn sách.

Về nội dung, các sách bên cột số (1) cũng tập trung vào những vấn đề chuyên ngành như được thiết kế, song ít

mang tính hàn lâm hơn. Ví dụ, nội dung các bài đọc hiểu thường ngắn, có tính giải thích, hoặc đơn giản là những bài báo đã đăng được sử dụng lại. Cách viết và diễn đạt các chủ đề cũng được thể hiện dưới dạng ngôn ngữ phổ thông để người sử dụng dễ hiểu, ít thuật ngữ. Ngược lại, các sách bên cột số (2) hoàn toàn mang tính hàn lâm, chuyên sâu và rất nhiều thuật ngữ chuyên ngành. Nếu người sử dụng không có kiến thức hay hiểu biết về lĩnh vực thì sẽ rất khó hiểu hay hiểu không cặn kẽ.

Về nguyên tắc, các chuyên khoa như FIS chỉ tập trung đào tạo chuyên ngành chứ không phải là khoa ngôn ngữ. Vì vậy, sinh viên của FIS trước khi được học chuyên sâu về các chuyên ngành (từ năm thứ ba) đều phải qua các khóa đào tạo ngôn ngữ đại cương (trong năm thứ nhất và năm thứ hai). Và, các môn đào tạo của FIS cũng được thiết kế từ cơ bản (basic) đến nâng cao (advanced) để các em từng bước làm quen và hiểu các chuyên ngành. Tuy nhiên, ngay cả khi học những bài học “nhập môn” hay cơ bản của các chuyên ngành, thì sinh viên cũng đã được yêu cầu phải hoàn thành

số lượng tài liệu đọc hoàn toàn chuyên ngành, và để hiểu hoàn toàn những tài liệu đó cũng như nghe giảng một cách hiệu quả trên lớp cũng vẫn là một thách thức đối với sinh viên.

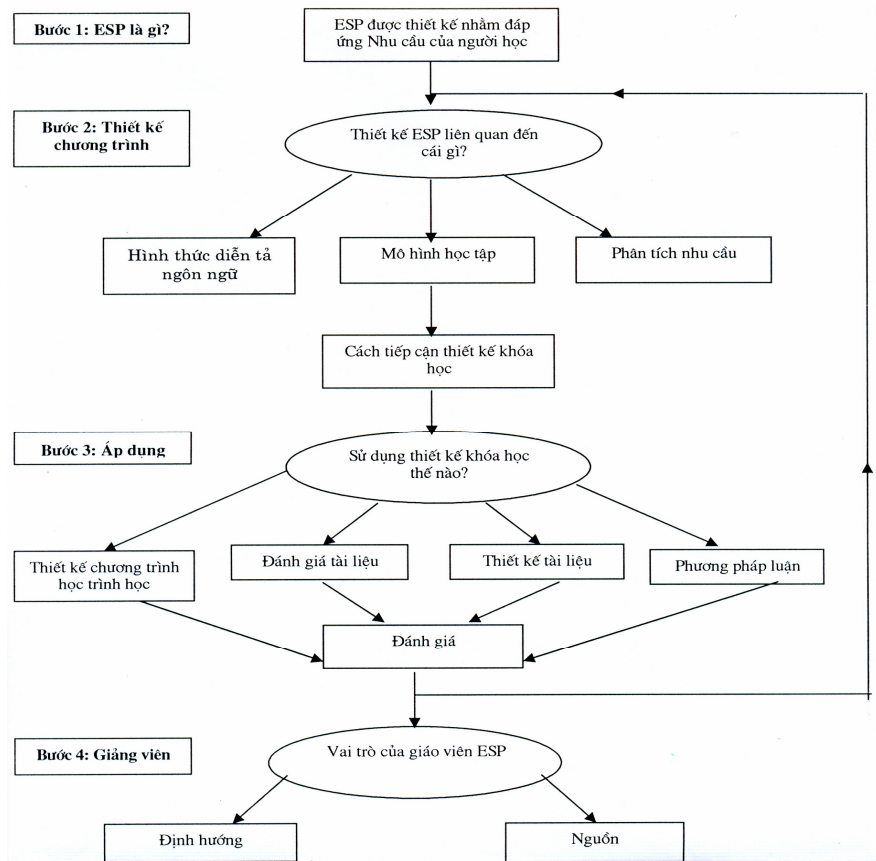
II. Mô hình lấy việc học làm trung tâm của ESP

ESP ra đời xuất phát từ nhu cầu (needs), tư tưởng mới về ngôn ngữ (new ideas about language) và tư tưởng mới

về việc học (new ideas about learning) (6, tr.6-8, 14). Tuy nhiên, qua quá trình phát triển cho đến ngày nay, các nhà ngôn ngữ rút ra nhận định rằng ESP chủ yếu hướng vào yếu tố thứ ba, nghĩa là tập trung vào vấn đề học tập. Với việc định ra các nhóm tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với

lấy người học làm trung tâm của ESP (6, tr.3):

Trong mô hình này, người học được đặt vào vị trí trung tâm (learner-centred approach). Cách tiếp cận này hoàn toàn phù hợp với phương pháp giảng dạy hiện đại đang được áp dụng từng bước và tiến tới phổ cập trong tất cả các cơ sở đào tạo ở nước ta. Đó là



nhu cầu cũng như chuyên môn của người học (leaners' specialism), cách tiếp cận của ESP là lấy người học hay việc học làm trung tâm. Cách tiếp cận này là một quá trình liên kết, từ nhu cầu của người học, thiết kế chương trình, việc áp dụng đến vai trò của giáo viên. Dưới đây là mô hình cách tiếp cận

phương pháp giảng dạy tích cực, có sự tham gia của học viên (active/participatory training). Học viên trong môi trường này sẽ đóng vai trò tích cực trên lớp học, thảo luận sôi nổi cùng giảng viên, chứ không phải thụ động ngồi nghe và giáo viên đóng vai như một chiếc đài phát thanh.

Vậy, có thể áp dụng mô hình tiếp cận ESP vào việc giảng dạy và học tập tại FIS được không? Về nguyên tắc là hoàn toàn có thể. Trên thực tế, nhìn về tổng thể cho đến nay, từ việc xây dựng và thiết kế chương trình học, các môn học đến việc lựa chọn và tuyển giáo viên và sản phẩm mong muốn cuối cùng của FIS là các sinh viên vừa có kiến thức chuyên môn vừa có trình độ tiếng Anh sâu và tốt, đều căn cứ trên cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm. Mô hình cách tiếp cận ESP theo từng bước ở trên khá thích hợp trong môi trường của FIS, nhưng có điểm khác là mô hình trên vẫn chỉ áp dụng cho việc giảng dạy tiếng Anh (English language teaching – ELT), trong khi đó trọng tâm giảng dạy của FIS không phải là ngôn ngữ mà là kiến thức chuyên ngành và tiếng Anh chỉ là phương tiện giảng dạy (medium of instruction). Như vậy, khi xây dựng và thiết kế chương trình học của FIS, có thể áp dụng bốn bước như trong mô hình cách tiếp cận ESP. Nhưng các chương trình học được thiết kế cho người học đã làm chủ tiếng Anh phổ thông nên không cần đi vào vấn đề học và luyện ngữ pháp tiếng Anh và các kỹ năng ngôn ngữ nữa, mà phải thiết kế làm sao để cả giảng viên và học viên sẽ gặp nhau ở một điểm là *hiểu vấn đề và nắm vững thuật ngữ* trong lĩnh vực chuyên ngành. Đó cũng là giải pháp mà FIS cần tìm và áp dụng trong thời gian tới.

III. Kết luận

Việc tiếp cận tiếng Anh chuyên ngành thế nào cho hiệu quả trong môi trường các chuyên khoa giảng dạy và học bằng tiếng Anh như FIS đòi hỏi nỗ lực của cả giảng viên và sinh viên. Đối tượng của FIS là sinh viên (chỉ nói đến sinh viên là người Việt Nam). Giảng

viên gồm hai nhóm: giảng viên là người Việt Nam và giảng viên là người nước ngoài, vì vậy việc thống nhất một phương pháp giảng dạy là hết sức cần thiết. Phương pháp này vừa phải có độ “cứng” nhưng cũng cho phép có độ “linh hoạt” nhất định.

Độ “cứng” là một số nguyên tắc mà mỗi giảng viên khi giảng bằng tiếng Anh, bất kể giảng viên là người Việt Nam hay người nước ngoài, đều phải áp dụng. Ví dụ, trước mỗi bài giảng các giảng viên cần chọn lọc và soạn một tập hợp từ hay cụm từ chuyên ngành dưới dạng danh mục từ tra cứu và giải thích (glossary) và gửi cho sinh viên để họ có thể học trước khi lên lớp. Với việc đã làm quen thuật ngữ trước mỗi bài học như vậy, sinh viên sẽ dễ hiểu bài hơn nhiều và sẽ hạn chế những câu hỏi mất thời gian như “từ đó trong tiếng Việt là gì?”. Hoặc, một nguyên tắc khác là các giảng viên phụ trách môn học sau khi viết phác họa chương trình học của bộ môn (syllabus), cần gửi cho sinh viên để họ có thể hình dung và nắm bắt sơ bộ môn học gồm những nội dung gì và trên cơ sở đó sinh viên có thể tìm hiểu các nội dung liên quan trước khi lên lớp.

Độ “linh hoạt” thể hiện trong việc các giảng viên tự thiết kế chương trình, tài liệu chuyên ngành tiếng Anh của môn học ở mức phù hợp với bậc học và trình độ của sinh viên. Mỗi lĩnh vực chuyên ngành có hàng ngàn tư liệu liên quan, nếu không có sự lựa chọn phù hợp thì sẽ dẫn đến trường hợp sinh viên như lạc vào trong một rừng tư liệu, không biết lựa chọn tư liệu nào là phù hợp với bậc học và trình độ của mình, trong khi đó tiếng Anh chuyên ngành cũng đã là một thách thức lớn.

Với sinh viên, để tiếp cận tiếng Anh chuyên ngành hiệu quả nhất, không gì khác là phải nỗ lực tự tìm hiểu và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn được học. Chẳng hạn với môn luật, gồm luật Việt Nam và luật quốc tế, đọc các giáo trình, tài liệu bằng tiếng Việt trước khi lên lớp là một phương pháp hữu ích để hiểu bài. Cần lưu ý rằng, giờ học trên lớp có hạn, đồng thời phải học rất nhiều môn học, lĩnh vực chuyên ngành khác nhau, dành thời gian tự nghiên cứu và tìm hiểu để bồi đắp kiến thức chuyên ngành là việc nên làm. Không nên chỉ dựa vào việc lên lớp và lắng nghe, chờ giáo viên giảng và giải thích mới có thể nắm bắt được vấn đề. Khi đã có kiến thức nền bằng tiếng Việt, kết hợp với bài giảng trên lớp của giảng viên, sinh viên sẽ rất dễ hiểu và ghi nhớ các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. Bên cạnh việc mỗi giảng viên đã xây dựng các tập hợp từ tra cứu và giải thích, sinh viên cũng nên chủ động tìm từ, thuật ngữ và tập hợp lại thành một danh sách và cùng trao đổi với giảng viên. Như vậy, việc tiếp cận tiếng Anh chuyên ngành diễn ra hai chiều và mang tính tích cực chứ không chỉ một chiều, thụ động.

Chắc chắn rằng mong muốn cao nhất của các khoa chuyên ngành giảng và học bằng tiếng Anh là đào tạo ra những sinh viên được trang bị chắc cả hai tay. Một tay chắc về kiến thức và tay kia chắc về tiếng Anh chuyên ngành. Nếu được như vậy thì hẳn những sinh viên này sẽ không khó khăn khi tìm việc làm trong một môi trường đầy cạnh tranh hiện nay. Đây là một lợi thế không phải sinh viên ở đâu cũng có. Để hỗ trợ cho sinh viên của mình vững chắc về tiếng Anh chuyên ngành, tập thể giảng viên của các khoa chuyên

ngành này cần nghiên cứu và cùng nhau xây dựng một cuốn từ điển chuyên ngành theo từng lĩnh vực và môn học, hoặc ở quy mô nhỏ hơn, các tổ hay nhóm bộ môn xây dựng một cuốn sổ từ và thuật ngữ tra cứu chuyên ngành, trong đó sẽ tập hợp các từ, thuật ngữ tiếng Anh theo từng chuyên ngành đang được giảng dạy tại khoa của mình. Nếu có được một cuốn từ điển hay cuốn sổ từ như vậy, bên cạnh các giáo trình, tài liệu đọc và nghiên cứu, nó sẽ hỗ trợ rất tốt cho cả đội ngũ giảng viên và sinh viên của các khoa trong việc giảng dạy và học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boeckner K., Brown P.C. English for Computing. Oxford: Oxford University Press, 1993.
2. Colander D.C. Economics. Sydney: IRWIN, 1994.
3. Comfort J., Brieger N. Business Management English – Marketing. New York: Prentice Hall, 1992.
4. Dudley-Evans T., St. John M.-J. Development in English for specific purposes. Cambridge: Cambridge University Press, 1998.
5. Đinh Đắc Phúc, Hồ Liên Biện. A course in medical English. Tp. Hồ Chí Minh: Tp. Hồ Chí Minh, 1997.
6. Hutchison T., Waters A. English for specific purposes. Cambridge: Cambridge University Press, 1987. Có thể xem tại: <http://books.google.co.uk/books?id=7OvEeiyxNgEC&printsec=frontcover&dq=english+specific+purposes+hutchinson+waters&source=bl&ots=T8I>

pp-boKE&sig=-foEhbrt-CkNV4oUPyLmPWkm5Qs&hl=en&ei=sTUCTaDfNcumrAfMw9yRDw&sa=X&oi=book_result&ct=result&resnum=5&ved=0CDQQ6AEwBA#v=onepage&q&f=false

7. Hyland K. English for specific purposes: Some influences and impacts (Chapter 26), in: Cummins J., Davison C. International Handbook of English Language Teaching. New York: Springer, 2007.
8. Hanoi Law University. Essential English for Law. Hanoi: People's Public Security Publishing House, 2009.
9. Krois-Lindner A., Translegal. International Legal English – A course for classroom or self-study use. Cambridge: Cambridge University Press, 2006.
10. Laurence Anthony. English for Specific Purposes: What does it mean? Why is it different? Working paper. Japan: Okayama University of Science, 2001.
11. Langford M. Social rights jurisprudence – emerging trends in international and comparative law. Cambridge: Cambridge University Press, 2008.
12. Michael R. Sneyd. Accounting. New York: Prentice Hall, 1994.
13. Michael R. Sneyd. International Banking and Finance. New York: Prentice Hall, 1992.
14. Neil McBurney. Tourism. New York: Prentice Hall, 1996.
15. Quinn R.E. Becoming a Master Manager – a competency framework. Massachusetts: WILEY, 2003.
16. Richard Malekian. Accounting Basics for Finance Professionals, Shareholder Value Consultants. Inc., 2008.